

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30- 9 - 2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Hồng Mỹ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Hòa

2. Bà Lê Thị Hạnh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Minh Trung- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Xuân Thu- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2021, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 107/2021/QĐST-DS ngày 21 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 112/2021/QĐST-DS ngày 25 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức V, sinh năm 1989

- Bị đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1992

Cùng địa chỉ: Thôn AĐ, xã PT, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.;

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 10/3/2021, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Đức V trình bày:*

Anh và chị Trần Thị T kết hôn vào năm 2010, đăng ký kết hôn tại UBND xã Phổ Thuận. Trong thời gian chung sống, vợ chồng lo chí thú làm ăn và luôn quan tâm nhau. Đến tháng 3/2020 do bất đồng về kinh tế nên vợ chồng có cãi nhau và xảy ra xô xát, mặt khác do chị T mâu thuẫn với cha mẹ chồng nên chị T bỏ nhà đi, để lại hai đứa con cho anh nuôi dưỡng. Kể từ đó chị T không một lần về thăm con và thậm chí không một lời hỏi thăm con trong suốt thời gian qua. Anh xác định vợ chồng đã không còn tình cảm và không thể tiếp tục sống chung sống với chị T nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là cháu Nguyễn Hữu K sinh ngày 16/8/2017 và cháu Nguyễn Thị Thu H sinh ngày 23/12/2010; khi ly hôn anh V yêu cầu được nuôi hai con chung; không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Anh V khai vợ chồng anh có nợ bà Huỳnh Thị Đ ở Thôn AĐ, xã PT, thị xã Đức Phổ 2.000.000 đồng tiền mua hàng tạp hóa, anh tự nguyện trả số tiền này, bà Đ và anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Trần Thị T đã nhận được các văn bản của Tòa án nhưng chị T không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.*

*Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:*

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Nguyễn Đức V, giao hai con chung cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Tài sản chung không có. Về nợ chung: bà Huỳnh Thị Đ không yêu cầu Tòa giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn Anh Nguyễn Đức V có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn chị Trần Thị T ở Thôn AĐ, xã PT, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Về tố tụng: Bị đơn chị Trần Thị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Đức V và chị Trần Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Phổ Thuận, do vậy quan hệ hôn nhân giữa anh V và chị T là hoàn toàn hợp pháp. Trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, theo anh V thì vợ chồng anh bất đồng về kinh tế, hai bên có cãi nhau và xô xát nên chị T đã bỏ nhà đi từ tháng 3/2020 đến nay. Qua làm việc với ông Trần T1-cha của chị T và anh Trần Quốc C-anh của chị T, ông Ty và anh Chí cho biết vợ chồng chị T đã ly thân hơn 1 năm, nguyên nhân mâu thuẫn là kinh tế gia đình khó khăn, anh V thường uống rượu về nhà xô xát với chị T; vợ chồng chị T và anh V đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Hiện tại anh V và chị T phân ai nấy sống, không ai còn quan tâm đến nhau. Quá trình Tòa án giải quyết, chị T đã nhận các thông báo của Tòa án nhưng chị T không đến Tòa để tham gia hòa giải. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh V và chị T đã ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho anh V được ly hôn chị T.

[4] Về con chung: Vợ chồng Anh Nguyễn Đức V và chị Trần Thị T có hai con chung là cháu Nguyễn Hữu K sinh ngày 16/8/2017 và cháu Nguyễn Thị Thu H sinh ngày 23/12/2010. Hiện tại cháu Kiên và cháu Hiền đang sống với anh V, cháu Hiền có nguyện vọng được sống với cha. Do vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cháu K và cháu H, căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh V, giao hai con chung cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Anh V không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Tòa không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa giải quyết nên Tòa không xét.

[6] Về nợ chung: Anh V khai vợ chồng anh có nợ bà Huỳnh Thị Đ 2.000.000 đồng tiền mua hàng tạp hóa, anh tự nguyện trả số tiền này, qua làm việc với bà Đ, bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Anh Nguyễn Đức V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội,

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Cho Anh Nguyễn Đức V được ly hôn chị Trần Thị T.
2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hữu K sinh ngày 16/8/2017 và cháu Nguyễn Thị Thu H sinh ngày 23/12/2010 cho Anh Nguyễn Đức V trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Trần Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết nên Tòa không xét.
5. Về án phí: Anh Nguyễn Đức V phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn được khấu trừ vào 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0006686 ngày 23 tháng 03 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- UBND xã Phổ Thuận;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đoàn Thị Hồng Mỹ**







